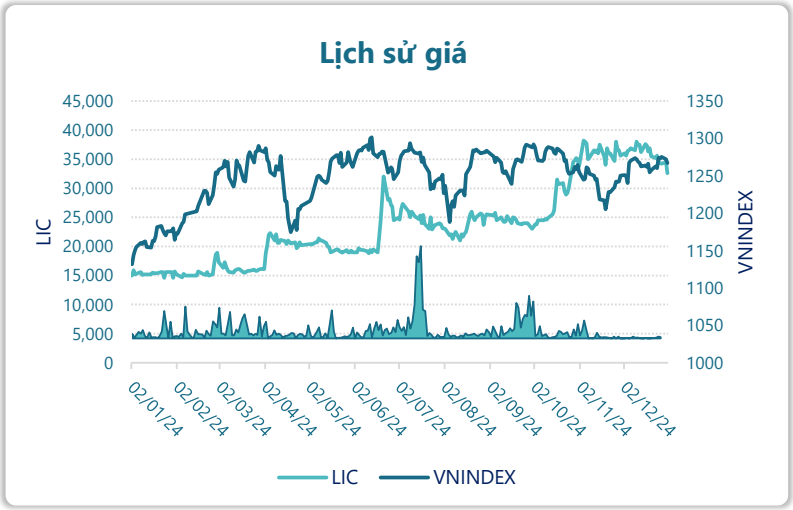
FireAnt

Tổng Công ty Licogi - CTCP (UPCOM: LIC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,600
SL cổ phiếu LH	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,130
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,934
P/E	46.1
EPS	706

DT thuần

Q4/24

1,046

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 657| 169%

YoY: ▲ 356| 51.5%

LN sau thuế

Q4/24

71.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.2| 69.3%

YoY: ▲ 53.1| 292%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

9.7%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

2024

2,294

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 258| 12.7%

LN sau thuế

2024

76.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.8| 1027%

ROE

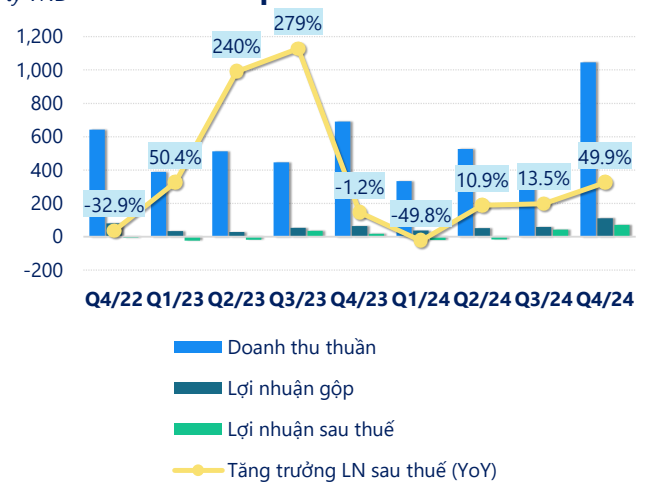
2024

13.9%

+/- YoY: ▲ 14.2%

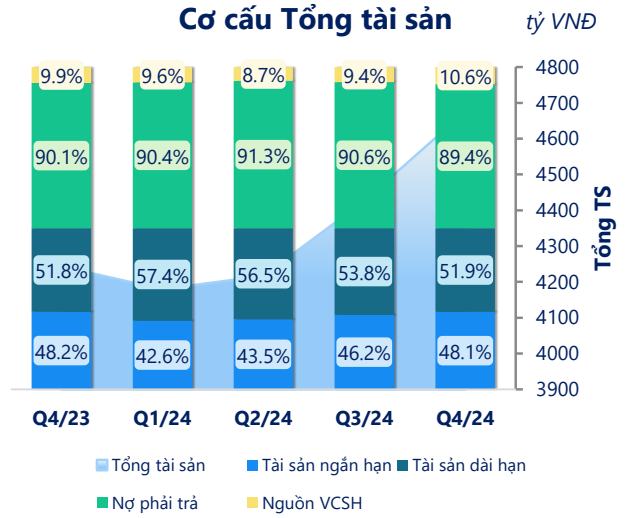
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



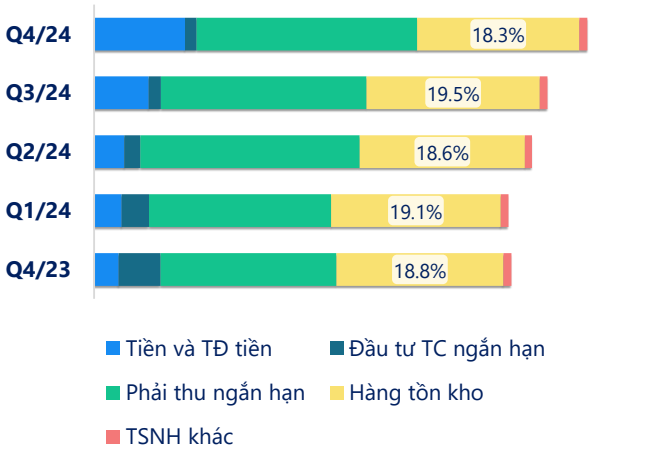
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



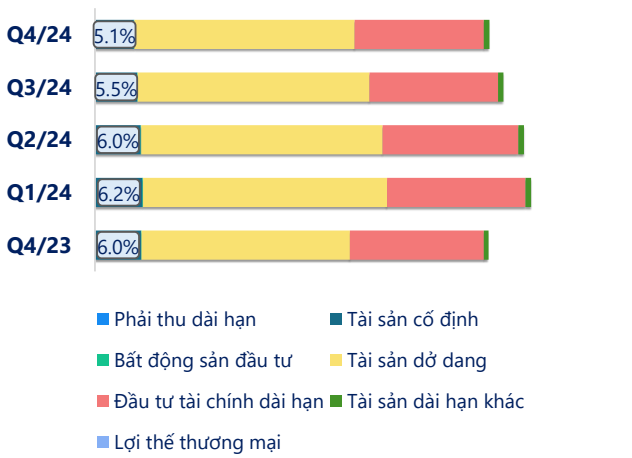
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



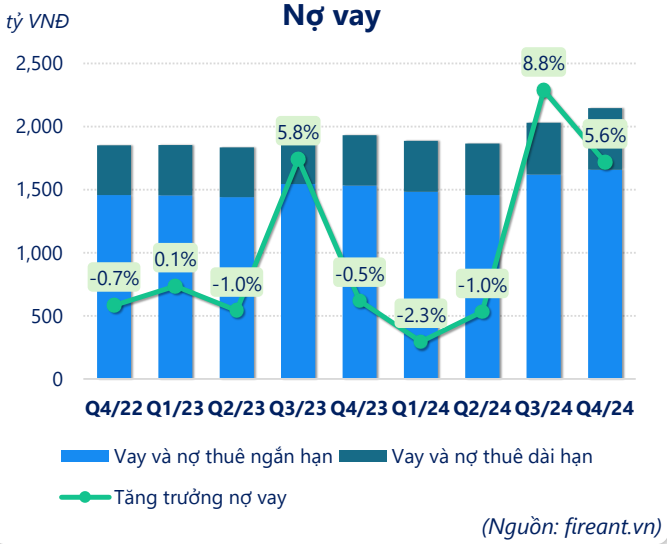
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



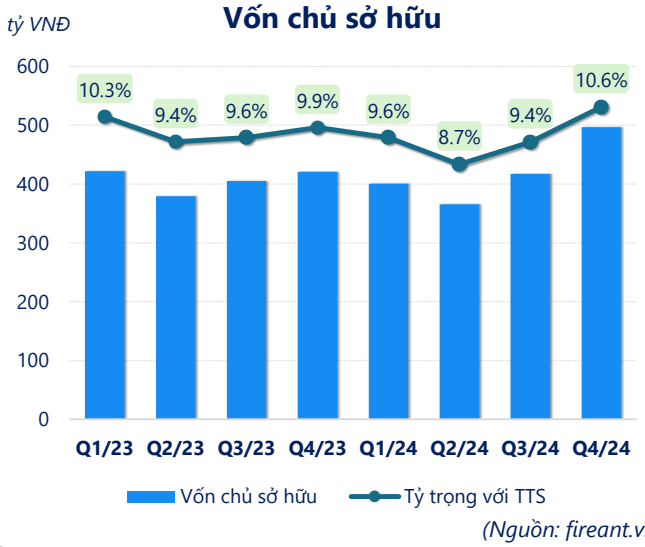
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



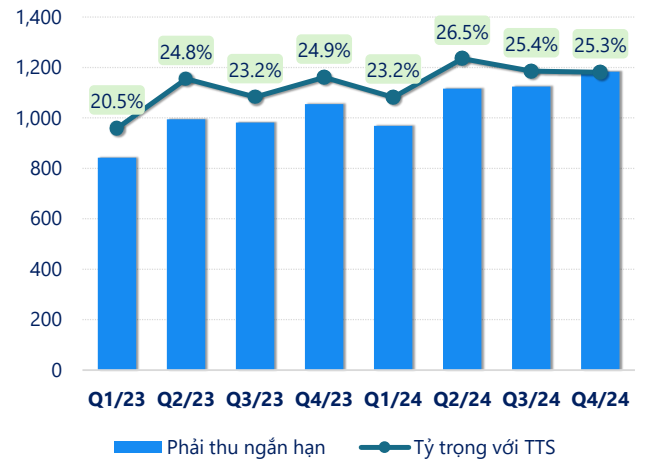
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



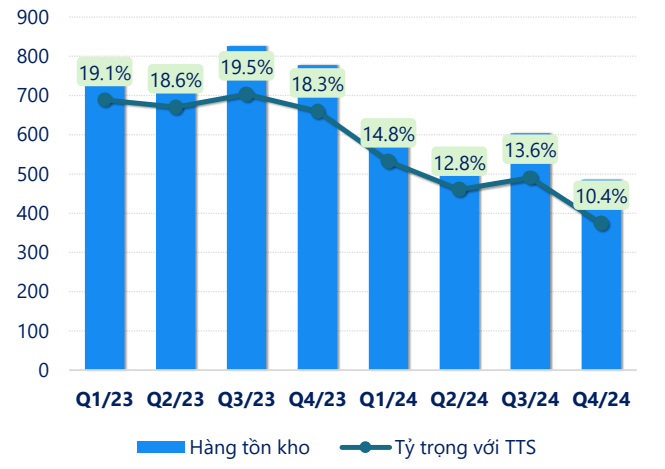
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



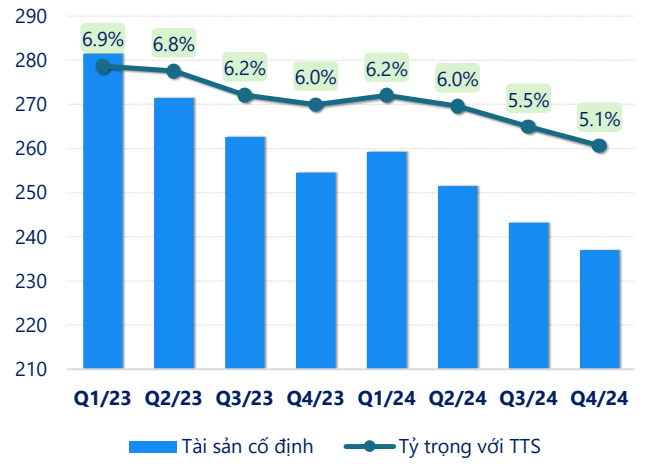
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



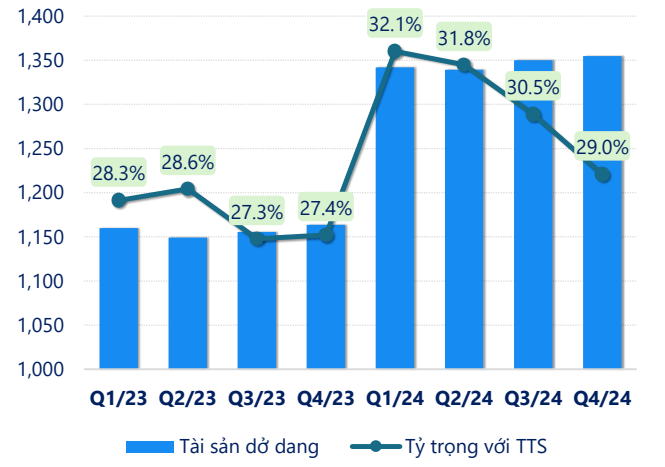
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



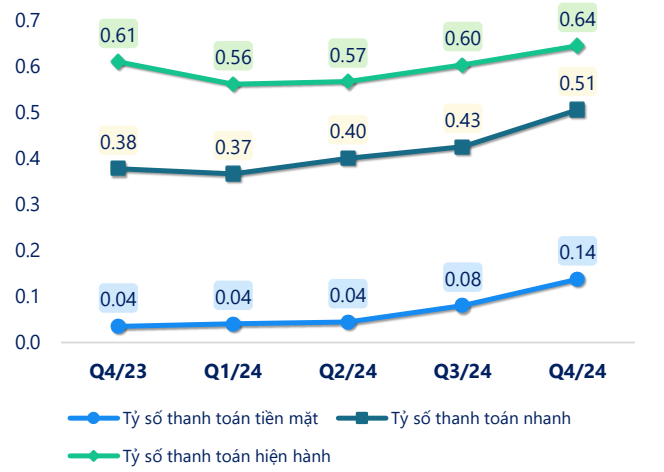
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



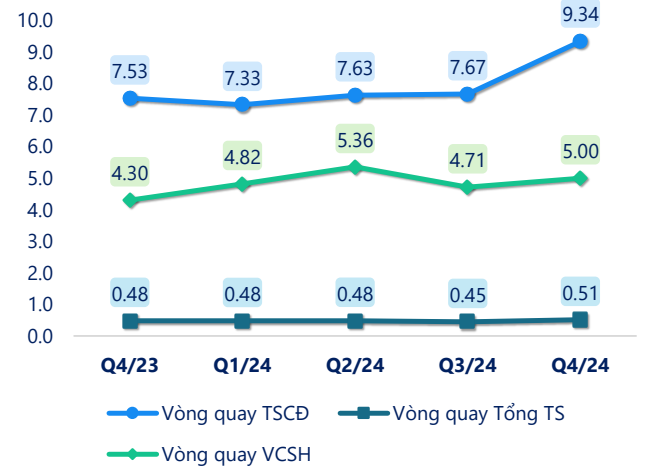
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,243**	**4,180**	**4,217**	**4,426**	**4,676**
Tài sản ngắn hạn	**2,044**	**1,781**	**1,835**	**2,046**	**2,248**
Tiền và tương đương tiền	117	130	144	272	479
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.2	24.0	2.30	3.80	64.3
Phải thu ngắn hạn	1,055	969	1,116	1,125	1,184
Hàng tồn kho	778	618	539	604	485
Tài sản ngắn hạn khác	37.8	40.0	34.0	41.4	35.0
Tài sản dài hạn	**2,199**	**2,399**	**2,382**	**2,380**	**2,428**
Phải thu dài hạn	1.81	1.81	2.00	2.26	2.32
Tài sản cố định	255	259	251	243	237
Bất động sản đầu tư	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02
Tài sản dở dang	1,164	1,342	1,339	1,350	1,355
Đầu tư tài chính dài hạn	747	762	754	750	796
Tài sản dài hạn khác	27.8	30.6	31.5	31.3	34.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,822**	**3,779**	**3,851**	**4,009**	**4,179**
Nợ ngắn hạn	**3,351**	**3,171**	**3,234**	**3,391**	**3,486**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,532	1,484	1,456	1,619	1,658
Phải trả người bán ngắn hạn	691	598	607	625	680
Nợ dài hạn	472	608	617	619	694
Vay và nợ thuê dài hạn	399	402	410	412	486
Nguồn vốn chủ sở hữu	**421**	**400**	**366**	**417**	**497**
Vốn chủ sở hữu	**421**	**400**	**366**	**417**	**497**
Vốn điều lệ	900	900	900	900	900
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)